

Số: **48** /2021 -TH1-VP

V/v: Công bố thông tin  
Báo cáo tài chính năm 2020

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Công ty: Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam
2. Mã chứng khoán: TH1
3. Trụ sở chính: Số 46 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
4. Điện thoại: 04.38264009 Email: gexim@gel.com.vn
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Vũ Thị Phương**  
Địa chỉ: 75C Tổ 15 Làng Thủ Lệ, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội.
6. Nội dung thông tin công bố:
  - BCTC Văn phòng Công ty:
    - Lợi nhuận cả năm 2019: (38.125.431.126) VNĐ
    - Lợi nhuận cả năm 2020: (46.883.063.065) VNĐ
  - BCTC tổng hợp toàn Công ty:
    - Lợi nhuận cả năm 2019: (36.894.265.997) VNĐ
    - Lợi nhuận cả năm 2020: (44.011.985.107) VNĐ
    - Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 tại BCTC năm 2020 của toàn Công ty lỗ so với cùng kỳ năm 2019 là do: Số lỗ năm 2020 so với năm 2019 tăng thêm 7.117.719.110đ, dù lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 3.491.477.789đ.
      - Lợi nhuận từ hoạt động tài chính giảm mạnh 17.447.046.555đ.
      - Chi phí bán hàng tăng 4.226.976.394đ.
      - Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 13.869.487.363đ.
      - Kết quả của hoạt động khác giảm 2.804.661.313đ.
    - Thông tin này đã được công bố trên website của công ty: [www.generalexim.com.vn](http://www.generalexim.com.vn) vào ngày 31/03/2021
    - Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người thực hiện công bố thông tin**



**CHÁNH VĂN PHÒNG**  
*Vũ Thị Phương*



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-41
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12-41

100  
RÁCH  
- ANH  
100

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Ủy viên
Ông Nhân Việt Bắc	Ủy viên
Ông Lê Tuấn Điệp	Ủy viên

Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này.

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Chiến	Trưởng ban	
Bà Phạm Thị Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/06/2020
Ông Nguyễn Thế Sinh	Thành viên	Ngày miễn nhiệm 01/01/2020
Ông Nguyễn Xuân Anh	Thành viên	

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Công ty



\_\_\_\_\_  
Thu Hoài  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2021

105  
G T  
EM H  
KIEM  
AS  
KIEM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam được lập ngày 27 tháng 02 năm 2021, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

1. Tại ngày 31/12/2020, Công ty có khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán là âm 380,99 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu âm 197,26 tỷ đồng, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 341,69 tỷ đồng, toàn bộ các khoản vay vốn của ngân hàng đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền gốc 567,85 tỷ đồng và lãi vay phải trả tương ứng 297,97 tỷ đồng, các khoản nợ quá hạn không có khả năng thu hồi tăng lên, đồng thời trong năm 2020, Công ty có lợi nhuận trước thuế lỗ 44,01 tỷ đồng. Những vấn đề này cùng với những vấn đề được trình bày tại thuyết minh số 1 cho thấy có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm 2020 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2. Như đã trình bày chi tiết tại thuyết minh số 19 về "Thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm" ngày 23/08/2018, đối với khoản vay giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Á - chi nhánh Hà Nội. Chúng tôi không thể đánh giá hết ảnh hưởng (nếu có) của thỏa thuận tài sản bảo đảm nêu trên đến các khoản mục trên Báo cáo tài chính năm 2020 cũng như các điều chỉnh cần thiết liên quan đến thỏa thuận này.

**Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp 1 Việt Nam.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biên**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0743-2018-002-1

**Nguyễn Tuấn Anh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1369-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>577.098.347.577</b>	<b>590.559.031.856</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>723.838.798</b>	<b>317.331.811</b>
111	1. Tiền		723.838.798	317.331.811
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>173.197.687.967</b>	<b>165.728.158.041</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		162.981.197.741	172.281.569.834
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(240.500)	(6.553.411.793)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.216.730.726	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>393.433.949.033</b>	<b>412.876.598.516</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	105.472.081.519	106.081.577.609
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	248.418.493.555	259.209.141.038
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		450.000.000	450.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	378.705.093.622	389.605.599.532
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(339.611.719.663)	(342.469.719.663)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>977.731.954</b>	<b>859.884.475</b>
141	1. Hàng tồn kho		977.731.954	859.884.475
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>8.765.139.825</b>	<b>10.777.059.013</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	224.752.107	360.337.013
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		8.400.257.718	10.276.493.500
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	140.130.000	140.228.500
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>164.811.342.031</b>	<b>169.687.006.530</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	100.000.000	100.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>4.989.938.868</b>	<b>4.152.897.524</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.838.138.868	1.001.097.524
222	- Nguyên giá		12.732.569.359	11.574.237.814
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.894.430.491)	(10.573.140.290)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.151.800.000	3.151.800.000
228	- Nguyên giá		3.151.800.000	3.151.800.000



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
230	III. Bất động sản đầu tư	12	119.070.921.689	123.050.080.268
231	- Nguyên giá		154.868.938.887	155.409.387.525
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(35.798.017.198)	(32.359.307.257)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	874.861.159
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	874.861.159
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	36.351.669.217	36.369.721.728
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		41.368.895.429	41.368.895.429
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.200.000.000	1.200.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6.217.226.212)	(6.199.173.701)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.298.812.257	5.139.445.851
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4.298.812.257	5.139.445.851
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>741.909.689.608</b>	<b>760.246.038.386</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>939.166.410.109</b>	<b>912.934.462.732</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>918.767.197.299</b>	<b>875.800.617.702</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	34.666.025.494	24.848.384.223
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	189.912.735	1.060.196.491
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	383.326.370	293.419.955
314	4. Phải trả người lao động		3.062.316.333	2.191.292.725
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	189.818.181	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	312.078.732.874	277.465.792.108
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	567.853.108.584	569.597.575.472
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		343.956.728	343.956.728
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>20.399.212.810</b>	<b>37.133.845.030</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	9.586.572.804	9.839.664.036
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	10.812.640.006	10.778.180.994
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	-	16.516.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(197.256.720.501)</b>	<b>(152.688.424.346)</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>(197.256.720.501)</b>	<b>(152.688.424.346)</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		135.392.670.000	135.392.670.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		135.392.670.000	135.392.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.147.588.054	17.147.588.054
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.262.420.104	7.262.420.104
415	4. Cổ phiếu quỹ		(981.900)	(981.900)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		23.940.421.305	23.940.421.305
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(380.998.838.064)	(336.430.541.909)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(336.878.738.246)	(299.316.832.993)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(44.120.099.818)	(37.113.708.916)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>741.909.689.608</b>	<b>760.246.038.386</b>

Nguyễn Thanh Thúy  
Người lập

Mai Thu Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoài  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	112.683.993.057	95.644.999.999
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	554.944.982
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		112.683.993.057	95.090.055.017
11	4. Giá vốn hàng bán	23	91.150.902.998	77.048.442.747
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.533.090.059	18.041.612.270
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	7.485.946.614	10.632.999.332
22	7. Chi phí tài chính	25	53.075.762.587	38.775.768.750
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		46.276.276.833	34.458.318.242
25	8. Chi phí bán hàng	26	11.813.708.616	7.586.732.222
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	7.814.091.556	21.683.578.919
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(43.684.526.086)	(39.371.468.289)
31	11. Thu nhập khác	28	613.149.246	3.576.318.006
32	12. Chi phí khác	29	940.608.267	1.099.115.714
40	13. Lợi nhuận khác		(327.459.021)	2.477.202.292
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(44.011.985.107)	(36.894.265.997)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(44.011.985.107)	(36.894.265.997)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	(3.259)	(2.741)

*Nguyễn Thanh Thúy*

Nguyễn Thanh Thúy  
Người lập

*Mai Thu Hà*

Mai Thu Hà  
Kế toán trưởng



*Nguyễn Văn Phú*  
Nguyễn Văn Phú  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(44.011.985.107)	(36.894.265.997)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.760.000.142	3.767.907.012
03	- Các khoản dự phòng		(9.393.118.782)	12.300.852.553
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(237.355.007)	(439.405.246)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(389.561.340)	(9.341.760.895)
06	- Chi phí lãi vay		46.276.276.833	34.458.318.242
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(3.995.743.261)	3.851.645.669
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		24.159.829.357	(18.798.508.875)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(117.847.479)	4.805.111.064
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.499.724.978)	(1.835.132.707)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		976.218.500	236.229.138
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		9.300.372.093	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		28.823.104.232	(11.740.655.711)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(583.470.386)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	8.527.273
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(63.620.963.726)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		53.404.233.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		389.561.340	13.503.833.622
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(10.410.639.772)	13.512.360.895
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(18.011.355.502)	(3.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(18.011.355.502)	(3.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		401.108.958	(1.228.294.816)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		317.331.811	1.534.329.268
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.398.029	11.297.359
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>723.838.798</u>	<u>317.331.811</u>

Nguyễn Thanh Thúy  
Người lập

Mai Thu Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tài Thu Hoài  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2021

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2020*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 135.392.670.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 135.392.670.000 đồng; tương đương 13.539.267 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 161 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 179 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh Xuất nhập khẩu.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh tạp phẩm, thủy hải sản, rượu bia, nước giải khát, kinh doanh bánh kẹo, các mặt hàng đường, sữa, sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê...;
- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản;
- Kinh doanh các sản phẩm dệt may;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh Nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, kho, bãi, nhà xưởng.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm 2020, Công ty có đẩy mạnh được hoạt động bán hàng hóa nên doanh thu của Công ty có sự gia tăng so với năm 2019.

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty có khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán với số tiền là âm 380,99 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu âm 197,26 tỷ đồng, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 341,69 tỷ đồng và các khoản vay Ngân hàng thương mại đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền gốc 567,85 tỷ đồng và lãi vay phải trả tương ứng 297,97 tỷ đồng. Đồng thời, trong năm 2020, Công ty lỗ 44 tỷ đồng. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch tài chính để có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn thông qua việc tái cơ cấu nợ với ngân hàng, đẩy mạnh công tác thu hồi nợ và thanh lý một số khoản đầu tư, tài sản của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giá định hoạt động liên tục.

**Cấu trúc doanh nghiệp****Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng  
hợp I Việt Nam tại Hải Phòng

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng  
hợp I Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng  
hợp I Việt Nam - Xí nghiệp May xuất khẩu Hải  
Phòng

**Địa chỉ**

Quận Hải An, TP  
Hải Phòng

Quận 4,  
TP Hồ Chí Minh

Quận Hải An,  
TP Hải Phòng

**Hoạt động kinh doanh chính**

Dịch vụ xuất nhập khẩu

Thương mại và dịch vụ

Gia công hàng may mặc

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

**2.4 . Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**2.6 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính cuối năm trước của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                   |                      |
|-----------------------------------|----------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 06 - 25 năm          |
| - Máy móc, thiết bị               | 05 - 12 năm          |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm          |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 10 năm          |
| - Quyền sử dụng đất               | Không trích khấu hao |

**2.11 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 45 năm

**2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**2.13 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.14 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC theo thông báo từ BCC.

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa), cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa. Hai bên hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực Nhà máy, đáp ứng các mục tiêu sản xuất. TH1 được hưởng mức phí quản lý là 1% trên tổng doanh thu dịch vụ hàng tháng và được chi trả vào ngày 15 của tháng kế tiếp. TH1 là bên thực hiện kế toán. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên được chi trả toàn bộ cho Kowa.

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/TH1 - HFC ngày 15/09/2014 và Phụ lục hợp đồng số 01/2020/HĐHT/TH1-HFC ngày 28/08/2020, gia hạn hợp đồng đến 31/03/2021 ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (HFC) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - Việt Nam (TH1), TH1 và HFC hợp tác đầu tư ngắn hạn, đảm bảo nguyên tắc lãi suất không thấp hơn lãi suất thực thu của ngân hàng cho vay vốn qua các thời kỳ và được tính theo thời gian sử dụng vốn cụ thể, áp dụng kể từ ngày bên TH1 góp vốn sang HFC, nếu lợi nhuận đầu tư thực tế cao hơn, hai bên sẽ thỏa thuận sau khi kết thúc hợp đồng. Bên thực hiện kế toán là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam.

**2.15 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.16 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.17 . Vay**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.18 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.19 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.20 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.21 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.23 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.24 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong, năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

## a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

## b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**2.26 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.27 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.28 . Thông tin bộ phận**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	325.803.086	51.396.207
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	398.035.712	265.935.604
	<b>723.838.798</b>	<b>317.331.811</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VIỆT NAM**

Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn	10.216.730.726	-	-	-
	<b>10.216.730.726</b>	-	-	-

Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 7,6% đến 8,15%/năm.

**b) Chứng khoán kinh doanh**

Mã chứng khoán	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Tổng giá trị cổ phiếu				
Cổ phiếu Công ty Xi măng Bút Sơn	348.600	108.100	(240.500)	348.600
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall	-	-	-	9.300.372.093
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (*)	162.980.849.141	247.747.500.000	-	162.980.849.141
	<b>162.981.197.741</b>	<b>247.747.608.100</b>	<b>(240.500)</b>	<b>172.281.569.834</b>
				<b>231.833.308.900</b>
				<b>(6.553.411.793)</b>

(\*) Cổ phiếu Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam của Công ty đang được phong tỏa để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng (chi tiết xem tại thuyết minh số 19).

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HNX, HOSE và UPCOM tại ngày 31/12/2019 và 31/12/2020.

Trong năm, Công ty đã có giao dịch bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall cho các nhà đầu tư khác, tương đương tổng mệnh giá 2.891.800.000 đồng, lỗ trong năm 289.180.000 đồng (chi tiết thuyết minh số 25).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**  
Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>41.368.895.429</b>	<b>(5.017.226.212)</b>	<b>41.368.895.429</b>	<b>(4.999.173.701)</b>
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	20.968.895.429	-	20.968.895.429	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	20.400.000.000	(5.017.226.212)	20.400.000.000	(4.999.173.701)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>(1.200.000.000)</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>(1.200.000.000)</b>
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	1.200.000.000	(1.200.000.000)	1.200.000.000	(1.200.000.000)
	<b>42.568.895.429</b>	<b>(6.217.226.212)</b>	<b>42.568.895.429</b>	<b>(6.199.173.701)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Hà Nội	40,00%	40,00%	Cho thuê văn phòng
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	Hà Nội	49,60%	49,60%	Kinh doanh bất động sản
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	5,42%	5,42%	Kinh doanh, khai thác khoáng sản

12/10/2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	(23.932.288.353)	23.932.288.353	(23.932.288.353)
- Công ty CP Thép Việt Thanh	8.158.626.921	(8.158.626.921)	8.158.626.921	(8.158.626.921)
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.275.780.880	(8.275.780.880)	8.275.780.880	(8.275.780.880)
- Công ty CP thực phẩm C.M.T	35.949.721.230	(35.949.721.230)	35.949.721.230	(35.949.721.230)
- Phải thu khách hàng khác	29.155.664.135	(17.698.241.561)	29.765.160.225	(17.706.241.561)
	<b>105.472.081.519</b>	<b>(94.014.658.945)</b>	<b>106.081.577.609</b>	<b>(94.022.658.945)</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh	6.010.353.102	(6.010.353.102)	6.010.353.102	(6.010.353.102)
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	(29.787.510.769)	29.787.510.769	(29.787.510.769)
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	(81.832.187.384)	81.832.187.384	(81.832.187.384)
- Công ty TNHH Minh Lâm	4.359.664.601	(4.359.664.601)	4.359.664.601	(4.359.664.601)
- DN tư nhân Trung Thành	54.585.659.678	(54.585.659.678)	54.585.659.678	(54.585.659.678)
- DN tư nhân Phát Đạt	5.238.146.104	(5.238.146.104)	5.238.146.104	(5.238.146.104)
- Công ty TNHH XNK Phước Tiếng	35.635.700.361	(35.635.700.361)	35.635.700.361	(35.635.700.361)
- Công ty CP SAM nông nghiệp công nghệ cao	1.762.568.810	-	4.240.190.360	-
- Trả trước cho người bán khác	29.206.702.746	(20.260.577.997)	37.519.728.679	(20.260.577.997)
	<b>248.418.493.555</b>	<b>(237.709.799.996)</b>	<b>259.209.141.038</b>	<b>(237.709.799.996)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay (1)	151.623.509.432	-	151.623.509.432	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	16.338.952	-	14.764.715	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	2.927.920	-	2.632.767	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	1.952.008	-	1.755.244	-
- Tạm ứng	3.631.668.958	-	5.990.748.686	-
- Ký cược, ký quỹ	279.977.520	-	835.691.300	-
- Phải thu Công ty TNHH Quang Trung	1.548.661.868	(1.548.661.868)	1.548.661.868	(1.548.661.868)
- Phải thu vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.846.000.000	(2.846.000.000)	2.846.000.000	(2.846.000.000)
- Phải thu vốn góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư (2)	187.500.000.000	-	187.500.000.000	-
- Phải thu Ông Nguyễn Xuân Nam	2.950.000.000	(2.650.000.000)	6.000.000.000	(5.500.000.000)
- Phải thu khác	28.304.056.964	(842.598.854)	33.241.835.520	(842.598.854)
	<b>378.705.093.622</b>	<b>(7.887.260.722)</b>	<b>389.605.599.532</b>	<b>(10.737.260.722)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Phải thu Bà Phạm Thị Thủy	100.000.000	-	100.000.000	-
	<b>100.000.000</b>	-	<b>100.000.000</b>	-

**c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan**

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

(1) Khoản phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay là khoản phải thu tương ứng với hợp đồng hợp tác với HFC với điều kiện đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất thực thu của ngân hàng cho THI vay vốn qua các thời kỳ và được tính theo thời gian sử dụng vốn cụ thể.

(2) Khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/TH1 - HFC giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là THI) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC) về việc hợp tác đầu tư ngắn hạn "cổ phiếu thuộc danh mục thoái vốn của Công ty SCIC" và Phụ lục hợp đồng số 01/2020/HĐHT/TH1-HFC ngày 28/08/2020, gia hạn hợp đồng đến 31/03/2021, đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất thực thu của ngân hàng cho vay vốn qua các thời kỳ và được tính theo thời gian sử dụng vốn cụ thể, áp dụng kể từ ngày bên THI góp vốn sang HFC, nếu lợi nhuận đầu tư thực tế cao hơn, hai bên sẽ thỏa thuận sau khi kết thúc hợp đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Thép Việt Thanh	8.158.626.921	-	8.158.626.921	-
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Thành	54.585.659.678	-	54.585.659.678	-
- Công ty CP Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	-	23.932.288.353	-
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	-	29.787.510.769	-
- Công ty CP Thực phẩm CMT	35.949.721.230	-	35.949.721.230	-
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.275.780.880	-	8.275.780.880	-
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	-	81.832.187.384	-
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Phước Tiếng	35.635.700.361	-	35.635.700.361	-
- Nợ xấu các khoản khác	61.754.244.087	300.000.000	64.812.244.087	500.000.000
	<b>339.911.719.663</b>	<b>300.000.000</b>	<b>342.969.719.663</b>	<b>500.000.000</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	729.544.784	-	627.384.476	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	11.500.000	-
Hàng hoá	248.187.170	-	220.999.999	-
	<b>977.731.954</b>	<b>-</b>	<b>859.884.475</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
Số dư đầu năm	5.112.821.251		4.810.802.504		1.435.245.455		215.368.604		11.574.237.814
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-		1.158.331.545		-		-		1.158.331.545
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.112.821.251</b>		<b>5.969.134.049</b>		<b>1.435.245.455</b>		<b>215.368.604</b>		<b>12.732.569.359</b>
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	4.957.964.767		4.320.648.266		1.079.158.653		215.368.604		10.573.140.290
- Khấu hao trong năm	20.279.536		208.118.461		92.892.204		-		321.290.201
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.978.244.303</b>		<b>4.528.766.727</b>		<b>1.172.050.857</b>		<b>215.368.604</b>		<b>10.894.430.491</b>
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu năm	154.856.484		490.154.238		356.086.802		-		1.001.097.524
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>134.576.948</b>		<b>1.440.367.322</b>		<b>263.194.598</b>		<b>-</b>		<b>1.838.138.868</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 134.576.945 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.500.535.392 đồng.

**11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại 26B Lê Quốc Hưng, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 3.151.800.000 đồng.

**12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa, vật kiến trúc tại Hà Nội, Hải Phòng được sử dụng để cho thuê có tổng nguyên giá 154.868.938.887 đồng; giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2020 là 35.798.017.198 đồng, khấu hao trong năm là 3.438.709.941 đồng. Trong năm, Công ty điều chỉnh giá trị bất động sản đầu tư theo quyết toán của kiểm toán số tiền 540.448.638 đồng. Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 119.070.921.689 đồng.

Công ty đang sử dụng bất động sản đầu tư tại số 7, Triệu Việt Vương, Hà Nội làm tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng (xem chi tiết tại thuyết minh số 19)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	53.411.707
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	224.752.107	306.925.306
	<b>224.752.107</b>	<b>360.337.013</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất trả tiền một lần (*)	3.954.437.136	4.106.530.872
Công cụ dụng cụ xuất dùng	72.888.224	316.198.666
Chi phí trả trước dài hạn khác	271.486.897	716.716.313
	<b>4.298.812.257</b>	<b>5.139.445.851</b>

(\*) Đất thuê có thời hạn 32 năm, Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất, diện tích 9.060 m2 tại Ấp Tân Mỹ, xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
- Ông Trần Văn Hải (*)	33.936.741.144	33.936.741.144	-	-
- Công ty CP xây dựng số 2 - Vinaconex (*)	-	-	23.110.980.224	23.110.980.224
- Phải trả các đối tượng khác	729.284.350	729.284.350	1.737.403.999	1.737.403.999
	<b>34.666.025.494</b>	<b>34.666.025.494</b>	<b>24.848.384.223</b>	<b>24.848.384.223</b>

(\*) Theo thông báo về chuyển giao khoản nợ/quyền đòi nợ của Công CP Xây dựng số 2 - Vinaconex ngày 28/12/2020, Đơn vị theo dõi khoản nợ/quyền đòi nợ và các quyền liên quan đến khoản nợ của Công ty CP xây dựng số 2-Vinaconex với Công ty sang cá nhân là Ông Trần Văn Hải.

**15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công ty TNHH Gason Việt Nam	92.400.000	-
- Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng	62.942.145	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu gỗ Châu Phi	-	977.753.624
- Người mua trả tiền trước khác	34.570.590	82.442.867
	<b>189.912.735</b>	<b>1.060.196.491</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**  
Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	287.029.492	3.972.322.892	3.884.991.192	-	374.361.192	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	27.973.950	27.973.950	-	-	27.973.950	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	98.500	6.390.463	466.503.689	463.830.474	-	8.965.178	463.830.474	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	140.130.000	-	2.726.428.570	2.726.428.570	-	-	2.726.428.570	140.130.000	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-	8.000.000	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	674.158.169	674.158.169	-	-	674.158.169	-	-	-	-	-
	<b>140.228.500</b>	<b>293.419.955</b>	<b>7.875.387.270</b>	<b>7.785.382.355</b>	<b>140.130.000</b>	<b>383.326.370</b>	<b>7.785.382.355</b>	<b>140.130.000</b>	<b>140.130.000</b>	<b>383.326.370</b>	<b>383.326.370</b>	<b>383.326.370</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê kho	189.818.181	-
	<b>189.818.181</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê văn phòng	9.586.572.804	9.839.664.036
	<b>9.586.572.804</b>	<b>9.839.664.036</b>

**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	672.155.475	433.293.239
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	183.154.311	304.210.311
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.581.850.355	1.581.850.355
- Phải trả lãi vay (*)	297.974.630.921	263.418.608.922
- Phí bảo trì tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Mai, Hà Nội	198.523.635	398.523.635
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.468.418.177	11.329.305.646
	<b>312.078.732.874</b>	<b>277.465.792.108</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	812.640.006	778.180.994
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (**)	10.000.000.000	10.000.000.000
	<b>10.812.640.006</b>	<b>10.778.180.994</b>

(\*) Khoản lãi vay phải trả tương ứng với các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Ngân hàng được chi tiết tại thuyết minh số 19.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**  
Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**19 . VAY**

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>n) Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn bằng VND	184.500.000.000	184.500.000.000	-	-	184.500.000.000	184.500.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (1)	184.500.000.000	184.500.000.000	-	-	184.500.000.000	184.500.000.000
Vay ngắn hạn bằng USD	349.868.383.232	349.868.383.232	90.551.447.516	108.811.914.404	331.607.916.344	331.607.916.344
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD	37.169.753.400	37.169.753.400	752.041.641	37.921.795.041	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (1)	20.339.585.879	20.339.585.879	376.496.854	398.386.207	20.317.696.526	20.317.696.526
Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hoàng Mai	46.598.078.423	46.598.078.423	942.793.666	47.540.872.089	-	-
Công ty Cổ phần dầu tư Hùng An (2)	245.760.965.530	245.760.965.530	4.762.809.410	22.897.047.066	227.626.727.874	227.626.727.874
Công ty CP Kinh doanh bất động sản VHC (3)	-	-	83.717.305.945	53.814.001	83.663.491.944	83.663.491.944
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	35.229.192.240	35.229.192.240	16.516.000.000	-	51.745.192.240	51.745.192.240
Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An (4)	35.229.192.240	35.229.192.240	16.516.000.000	-	51.745.192.240	51.745.192.240
	<b>569.597.575.472</b>	<b>569.597.575.472</b>	<b>107.067.447.516</b>	<b>108.811.914.404</b>	<b>567.853.108.584</b>	<b>567.853.108.584</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An (4)	51.745.192.240	51.745.192.240	-	-	51.745.192.240	51.745.192.240
	<b>51.745.192.240</b>	<b>51.745.192.240</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>51.745.192.240</b>	<b>51.745.192.240</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(35.229.192.240)	(35.229.192.240)	(16.516.000.000)	-	(51.745.192.240)	(51.745.192.240)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	16.516.000.000	16.516.000.000	-	-	-	-



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 500-19/14/VAB/HDHMDN ngày 11/09/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng là 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng chẵn);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cho vay chứng minh năng lực tài chính, mở L/C, bảo lãnh các loại, mục đích sử dụng tiền vay cụ thể được quy định rõ trong từng giấy nợ;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày 19/09/2014 đến ngày 19/09/2015;
  - + Lãi suất cho vay: Áp dụng theo lãi suất thông báo của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nợ cụ thể;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9 m<sup>2</sup> đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp bên thế chấp trên 435,9 m<sup>2</sup> đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;
  - + Số dư nợ vay tại thời điểm cuối năm là: 184.500.000.000 VND và 875.574,08 USD (tương đương 20.317.696.526 VND).

**Thông tin chi tiết "Thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm" cho khoản vay giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội.**

Ngày 23/08/2018, Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á - chi nhánh Hà Nội ký hai (02) thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của Công ty đối hợp đồng tín dụng số 500-19/14/VAB/HDHMDN ngày 11/09/2014 nêu trên.

Các tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ của Công ty với Ngân hàng như sau:

- + Lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9 m<sup>2</sup> đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp bên thế chấp trên 435,9 m<sup>2</sup> đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- + Tiền lãi/lợi tức và các lợi ích vật chất khác của 6.000.000 cổ phần của Công ty tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (EXIMBANK).

Theo xác nhận công nợ vay số 140/CV-CNHN/21 ngày 22/03/2021 của Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội thì số dư nợ gốc của Công ty với Ngân Hàng tại ngày 31/12/2020 là 0 đồng. Tuy nhiên, theo quy định trong thỏa thuận thì Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội được quyền đơn phương chấm dứt thỏa thuận này và yêu cầu Công ty thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ tài chính có liên quan nếu Công ty vi phạm các nghĩa vụ quy định tại thỏa thuận này.

Do vậy, sau thời điểm Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội ký "Thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm" thì Công ty vẫn tiếp tục theo dõi số dư nợ vay phải trả Ngân hàng Việt Á số tiền 184.500.000.000 VND và 875.574,08 USD (tương đương 20.317.696.526 VND). Công ty không ghi nhận chi phí lãi đối với hợp đồng vay số (1) trên kể từ ngày 01/01/2019. Công ty tiếp tục ghi nhận chi phí khấu hao vào chi phí trong năm của bất động sản đầu tư tại số 7, Triệu Việt Vương, Hà Nội. Đồng thời, Công ty đang ghi nhận chi phí thuê lại tòa nhà tại Số 7, Triệu Việt Vương, Hà Nội từ ngân hàng vào chi phí trong năm.

M.S.D.A  
C  
H.H.N

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

- (2) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 31/12/2020 là các khoản nợ vay được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, bao gồm:
- + Số tiền nợ gốc 4.903.625,72 USD (tương đương 113.788.634.832 VND), nợ lãi 2.939.675,98 USD, là khoản nợ vay với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Hà Nội đã được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ;
  - + Số tiền nợ gốc 2.068.157,58 USD (tương đương 47.991.596.644 VNĐ), nợ lãi 298.990,31 USD là khoản nợ vay với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD đã được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo hợp đồng mua bán nợ;
  - + Số tiền nợ gốc 2.837.599,5 USD (tương đương 65.846.496.398 VNĐ), nợ lãi 1.127.414,13 USD là khoản nợ vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội đã được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo hợp đồng mua bán nợ.
- (3) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 31/12/2020 là các khoản nợ vay được Công ty CP Kinh doanh bất động sản VHC mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, bao gồm:
- + Số tiền nợ gốc 1.599.463,89 USD (tương đương 37.115.562.120 VND), nợ lãi 568.439,77 USD, là khoản nợ vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch đã được Công ty CP Kinh doanh bất động sản VHC mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ;
  - + Số tiền nợ gốc 2.005.943,97 USD (tương đương 46.547.929.824 VNĐ), nợ lãi 319.761,86 USD là khoản nợ vay với Ngân hàng NN&PT Nông Thôn - Chi nhánh Hoàng Mai đã được Công ty CP Kinh doanh bất động sản VHC mua lại theo hợp đồng mua bán nợ.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (4) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 31/12/2020 số tiền 51.745.192.240 đồng và lãi 27.088.130.092 đồng là khoản nợ vay với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD đã được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo hợp đồng mua bán nợ.

**c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
- Vay	567.853.108.584	297.974.630.921	569.597.575.472	263.418.608.922
	<b>567.853.108.584</b>	<b>297.974.630.921</b>	<b>569.597.575.472</b>	<b>263.418.608.922</b>

Lý do chưa thanh toán: Tình hình hoạt động kinh doanh trong kỳ có những khó khăn nhất định, mặt khác việc thu hồi nợ của Công ty cũng gặp khó khăn nên tạm thời Công ty chưa có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn đến hạn trả. Hiện tại, Công ty đang xây dựng kế hoạch về nguồn tài chính để đảm bảo thanh toán các khoản nợ vay theo đúng hợp đồng đã được ký kết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VIỆT NAM**  
Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>135.392.670.000</b>	<b>17.147.588.054</b>	<b>7.262.420.104</b>	<b>(981.900)</b>	<b>23.940.421.305</b>	<b>(298.777.714.481)</b>	<b>(115.035.596.918)</b>
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(36.894.265.997)	(36.894.265.997)
Phân phối cho Kowa từ lợi nhuận 2018	-	-	-	-	-	(539.118.512)	(539.118.512)
Phân phối cho Kowa từ lợi nhuận 2019	-	-	-	-	-	(219.442.919)	(219.442.919)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>135.392.670.000</b>	<b>17.147.588.054</b>	<b>7.262.420.104</b>	<b>(981.900)</b>	<b>23.940.421.305</b>	<b>(336.430.541.909)</b>	<b>(152.688.424.346)</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>135.392.670.000</b>	<b>17.147.588.054</b>	<b>7.262.420.104</b>	<b>(981.900)</b>	<b>23.940.421.305</b>	<b>(336.430.541.909)</b>	<b>(152.688.424.346)</b>
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(44.011.985.107)	(44.011.985.107)
Phân phối cho Kowa từ lợi nhuận 2019 (*)	-	-	-	-	-	(448.196.337)	(448.196.337)
Phân phối cho Kowa từ lợi nhuận 2020 (*)	-	-	-	-	-	(108.114.711)	(108.114.711)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>135.392.670.000</b>	<b>17.147.588.054</b>	<b>7.262.420.104</b>	<b>(981.900)</b>	<b>23.940.421.305</b>	<b>(380.998.838.064)</b>	<b>(197.256.720.501)</b>

(\*): Khoản lợi nhuận phải trả Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 (Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 2.14).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Đinh Đức Tùng	20,73%	28.065.210.000	20,73%	28.065.210.000
Ông Nguyễn Văn Nguyên	19,91%	26.961.230.000	19,91%	26.961.230.000
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	15,88%	21.500.000.000	15,88%	21.500.000.000
Các cổ đông khác	43,48%	58.865.820.000	43,48%	58.865.820.000
Cổ phiếu quỹ	0,00%	410.000	0,00%	410.000
	<b>100%</b>	<b>135.392.670.000</b>	<b>100%</b>	<b>135.392.670.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.392.670.000	135.392.670.000
- Vốn góp đầu năm	135.392.670.000	135.392.670.000
- Vốn góp cuối năm	135.392.670.000	135.392.670.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.581.850.355	1.581.850.355
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.581.850.355	1.581.850.355

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.539.267	13.539.267
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.539.267	13.539.267
- Cổ phiếu phổ thông	13.539.267	13.539.267
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	41	41
- Cổ phiếu phổ thông	41	41
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.539.226	13.539.226
- Cổ phiếu phổ thông	13.539.226	13.539.226
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.940.421.305	23.940.421.305
	<b>23.940.421.305</b>	<b>23.940.421.305</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại:

- Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm kho bãi chứa hàng, với thời hạn thuê đến ngày 20/09/2056, diện tích khu đất thuê là 20.462,4 m<sup>2</sup>;- Số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội để sử dụng với mục đích làm văn phòng và kinh doanh khách sạn, với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 06/12/2005, diện tích đất thuê là 435,9 m<sup>2</sup>;- Số 251/4 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm kho hàng hóa với thời hạn thuê đất ngắn hạn hàng năm kể từ ngày 05/05/2006 cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, hợp đồng này đương nhiên được gia hạn trong từng năm kế tiếp nếu Nhà nước không có quyết định điều chỉnh, thu hồi đất, diện tích đất thuê là 3.030,3 m<sup>2</sup>;- Xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng Xí nghiệp chế biến quế và nông lâm sản xuất khẩu với diện tích đất thuê là 5.065 m<sup>2</sup>.

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	20,74	946,74
- Đồng Euro (EUR)	0,99	235,00
- Đồng yên Nhật (JPY)	-	30.943,00

**22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	35.368.780.704	21.751.003.432
Doanh thu hàng gia công	56.076.187.558	50.321.601.204
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.239.024.795	23.572.395.363
	<u><u>112.683.993.057</u></u>	<u><u>95.644.999.999</u></u>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	34.583.409.770	25.140.294.871
Giá vốn của hàng gia công	51.345.985.989	47.373.899.523
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.221.507.239	4.534.248.353
	<u><u>91.150.902.998</u></u>	<u><u>77.048.442.747</u></u>

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	389.561.340	53.233.622
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	9.280.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.859.030.267	860.360.464
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	237.355.007	439.405.246
	<u><u>7.485.946.614</u></u>	<u><u>10.632.999.332</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	46.276.276.833	34.458.318.242
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	289.180.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.917.664.676	1.719.230.435
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(415.726.689)	2.592.281.833
Chi phí tài chính khác	8.367.767	5.938.240
	<b>53.075.762.587</b>	<b>38.775.768.750</b>

**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.060.548.080	2.205.547.659
Chi phí khấu hao tài sản cố định	266.495.585	231.145.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.180.717.658	4.946.817.095
Chi phí khác bằng tiền	305.947.293	203.221.968
	<b>11.813.708.616</b>	<b>7.586.732.222</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.308.576	5.430.472
Chi phí nhân công	6.654.322.389	6.304.941.137
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.417.384	48.417.384
Thuế, phí, lệ phí	574.904.912	859.540.279
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(2.858.000.000)	9.708.570.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.442.372.350	3.369.647.694
Chi phí khác bằng tiền	947.765.945	1.387.031.233
	<b>7.814.091.556</b>	<b>21.683.578.919</b>

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	8.527.273
Thu nhập từ xử lý nợ phải trả	-	3.000.000.000
Thu nhập khác	613.149.246	567.790.733
	<b>613.149.246</b>	<b>3.576.318.006</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	493.046.880	713.839.073
Chi phí khác	447.561.387	385.276.641
	<b>940.608.267</b>	<b>1.099.115.714</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(44.011.985.107)	(36.894.265.997)
Các khoản điều chỉnh tăng	576.385.192	5.336.385.790
- Chi phí không hợp lệ	557.344.944	5.336.385.790
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ	19.040.248	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(9.340.933.341)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(9.280.000.000)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	(60.933.341)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(43.435.599.915)	(40.898.813.548)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(44.011.985.107)	(36.894.265.997)
Các khoản điều chỉnh:	(108.114.711)	(219.442.919)
- Lợi nhuận phải trả cho Công ty TNHH Kowa	(108.114.711)	(219.442.919)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(44.120.099.818)	(37.113.708.916)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13.539.226	13.539.226
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(3.259)</b>	<b>(2.741)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.506.529.764	4.951.343.724
Chi phí nhân công	38.664.587.362	34.766.299.317
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.760.000.142	3.767.907.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.880.829.029	16.977.203.125
Chi phí khác bằng tiền	12.241.347.103	11.007.135.119
	<b>79.053.293.400</b>	<b>71.469.888.297</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VIỆT NAM**Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	723.838.798	-	317.331.811	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	484.277.175.141	(101.901.919.667)	495.787.177.141	(104.759.919.667)
Các khoản cho vay	10.666.730.726	-	450.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	162.981.197.741	(240.500)	172.281.569.834	(6.553.411.793)
	<b>658.648.942.406</b>	<b>(101.902.160.167)</b>	<b>668.836.078.786</b>	<b>(111.313.331.460)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			567.853.108.584	586.113.575.472
Phải trả người bán, phải trả khác			357.557.398.374	313.092.357.325
			<b>925.410.506.958</b>	<b>899.205.932.797</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Đầu tư ngắn hạn	162.980.957.241	-	-	162.980.957.241
	<b>162.980.957.241</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>162.980.957.241</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Đầu tư ngắn hạn	165.728.158.041	-	-	165.728.158.041
	<b>165.728.158.041</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>165.728.158.041</b>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	723.838.798	-	-	723.838.798
Phải thu khách hàng, phải thu khác	382.275.255.474	100.000.000	-	382.375.255.474
Các khoản cho vay	10.666.730.726	-	-	10.666.730.726
	<b>393.665.824.998</b>	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>393.765.824.998</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương ương tiền	317.331.811	-	-	317.331.811
Phải thu khách hàng, phải thu khác	390.927.257.474	100.000.000	-	391.027.257.474
Các khoản cho vay	450.000.000	-	-	450.000.000
	<b>391.694.589.285</b>	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>391.794.589.285</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Vay và nợ	567.853.108.584	-	-	567.853.108.584
Phải trả người bán, phải trả khác	346.744.758.368	10.812.640.006	-	357.557.398.374
	<b>914.597.866.952</b>	<b>10.812.640.006</b>	<b>-</b>	<b>925.410.506.958</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Vay và nợ	569.597.575.472	16.516.000.000	-	586.113.575.472
Phải trả người bán, phải trả khác	302.314.176.331	10.778.180.994	-	313.092.357.325
	<b>871.911.751.803</b>	<b>27.294.180.994</b>	<b>-</b>	<b>899.205.932.797</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Chủ tịch HĐQT
Ông Nhâm Việt Bắc	Ủy viên HĐQT
Ông Lê Tuấn Điệp	Ủy viên HĐQT
Ông Trần Anh Vương	Ủy viên HĐQT từ nhiệm ngày 25/04/2019

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Thu nhập năm 2020	Thu nhập năm 2019
	VND	VND
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	72.000.000	78.000.000
Ông Nhâm Việt Bắc	60.000.000	65.000.000
Ông Lê Tuấn Điệp	60.000.000	65.000.000
Ông Trần Anh Vương	-	29.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	876.460.000	467.960.000

**36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thanh Thúy  
Người lậpMai Thu Hà  
Kế toán trưởng  
Nguyễn Thị Thu Hoài  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2021

# HÃNG KIỂM TOÁN AASC

## **AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH**

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973

E: [aasc@aasc.com.vn](mailto:aasc@aasc.com.vn)

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

## **AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH**

T: (84) 28 3945 0505 - (84) 28 3945 0606 | F: (84) 28 3945 1106

E: [aaschcm@aasc.com.vn](mailto:aaschcm@aasc.com.vn)

A: Tầng 3, Tòa nhà Galaxy 9, số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

## **AASC TẠI QUẢNG NINH**

T: (84) 203 3627 571 | F: (84) 203 3627 572

E: [aascqn@aasc.com.vn](mailto:aascqn@aasc.com.vn)

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam